TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 66 /2023/HSST
Ngày: 18 /9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Ông Bùi Khắc Thái

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2023/HS-ST ngày 18/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T;** Tên gọi khác: (Không); sinh năm 1974; tại: Huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn D H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp; Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức C (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Đ (đã chết); Có chồng: Nguyễn Văn D; 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Bị hại: Công ty TNHH một thành viên X

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C1 – Giám đốc (Vắng mặt có lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH X1

Địa chỉ: Đường T, xa G, huyện G, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q- Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Ông Nguyễn Văn C1 (Vắng mặt có lý do)

- Anh Bùi Tuấn A - sinh năm 1999; Địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có lý do)
- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)
- Ông Nguyễn Pháp C2 - sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)
- Chị Vũ Thị H1 - sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)

2.3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1973; (Vắng mặt)
- Anh Nguyễn Trường S - sinh năm 1986; (Vắng mặt)
- A- sinh năm 1973; (Vắng mặt)
- Anh Bùi Văn N- sinh năm 1960; (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị S1- sinh năm 1963; (Vắng mặt)
- Anh Bùi Văn C3- sinh năm 1994; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2008, Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình ký hợp đồng với ông Bùi Hoàng H2 sinh năm 1968 trú tại thôn D H, xã T, huyện N để ông H2 làm chủ hợp đồng xây dựng cầu phao, mố cầu bê tông tại Km 23+00m trên khu vực sông H ở cùng thôn với thời hạn 30 năm. Sau khi xây dựng cầu phao, ông H2 có trách nhiệm quản lý và thu lệ phí cầu theo quy định của Nhà nước. Sau đó ông H2 chết thì bà Nguyễn Thị B sinh năm 1971ở cùng thôn (vợ ông H2) là người tiếp tục quản lý, thu phí đối với chiếc cầu phao trên.

Ngày 30/11/2018, Sở giao thông vận tải tỉnh N có Công văn số 3204 gửi Ủy ban nhân dân huyện N ý kiến về việc: Cầu phao giao cho ông Bùi Hoàng H2 là đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành theo hợp đồng ngày 26/4/2008 với Ủy ban nhân dân xã T chưa thực hiện đúng các quy định về đầu tư, xây dựng, chủ đầu tư chưa thực hiện các quy định về đầu tư xây dựng, phao nổi chưa có thiết kế chi tiết và chưa đảm bảo các điều kiện an toàn, chưa có quy trình quản lý, vận hành theo quy định; việc thu phí qua cầu phao chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 05/12/2018, nhân dân thôn D H, xã T, huyện N họp thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân xã T hủy hợp đồng với bà Nguyễn Thị B để nhân dân tự đóng góp kinh phí xây dựng cầu phao mới. Sau đó, T1 đã cử ra Ban kiến thiết làm cầu gồm ông Nguyễn Văn H3 - Trưởng thôn 4 Hữu Thường (trưởng ban), ông Đinh Văn T2 – nguyên Bí thư thôn D, Hữu T3 (Phó ban) và nhiều ủy viên trong đó có bị cáo Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Pháp C2 trú tại cùng thôn để đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng cầu, song gia đình bà B chưa đồng ý thanh lý hợp đồng.

Sau đó có 85 hộ dân trong thôn D H đã tự ý bàn bạc, đóng góp kinh phí để làm cầu với tổng số tiền là 949.650.000 đồng, trong số tiền đóng góp xây dựng cầu có: hộ gia đình bị can Nguyễn Thị T đóng 191.000.000đồng; hộ gia đình ông Nguyễn Pháp C2 đóng 175.000.000đồng và hộ gia đình bà Nguyễn Thị H sinh năm 1970 trú tại cùng thôn đóng 207.000.000đồng.

Ngày 25/01/2019, Ủy ban nhân dân huyện N có văn bản số 106 gửi Ủy ban nhân dân xã T "về việc xem xét giải quyết các thủ tục cho nhân dân thôn D H xây dựng cầu phao mới" và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T chủ trì, phối hợp với Hợp tác xã N1 và đại diện nhân dân thôn D H thanh lý hợp đồng với bà Nguyễn Thị B để triển khai các thủ tục tiếp theo trong việc xây dựng cầu phao mới. Tiếp đó, ngày 24/6/2019 Ủy ban nhân dân huyện N có văn bản số 1143 gửi Ủy ban nhân dân xã T "về việc khẩn trương đề xuất phương án đầu tư nâng cấp cầu phao tại thôn D H" yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T đề xuất phương án nâng cấp cầu phao và nêu rõ dự án đầu tư xây dựng cầu phao mới chỉ được triển khai thực hiện khi cấp có thẩm quyền cho phép và phải được thẩm định theo đúng quy định của Luật xây dựng, Luật Đầu tư và xác định rõ quy trình vận hành, khai thác cầu phao; giá dịch vụ cầu phao phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân xã T phải chịu trách nhiệm với Ủy ban nhân dân huyện N nếu để người dân tự ý xây dựng cầu phao khi chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

Vào ngày 02/4/2019, trong khi chưa có Quyết định cho phép xây dựng cầu phao mới của cơ quan có thẩm quyền thì một số người dân của thôn D trong đó có ông Nguyễn Pháp C2 và bị can Nguyễn Thị T đã cùng ký hợp đồng với Công ty TNHH V1 đóng cầu phao mới có chiều dài 58m, rộng 04m, cao 01m, cầu gồm 03 phao, 2 cầu dẫn và 2 cầu nối. Sau đó, đến ngày 25/6/2019, nhân dân thôn D H, xã T đã tự lắp đặt cầu phao mới song song cách khoảng 10m so với cầu phao cũ do gia đình bà Nguyễn Thị B xây dựng trước đó để nhân dân sử dụng.

Đến ngày 31/7/2019, Ủy ban nhân dân xã T vận động gia đình bà Nguyễn Thị B thanh lý hợp đồng, bà B đã đồng ý thanh lý hợp đồng với số tiền thanh toán là 300.000.000đồng.

Ngày 05/8/2019, Ủy ban nhân dân xã T có Tờ trình số 20 gửi Ủy ban nhân dân huyện N về việc xin hỗ trợ kinh phí và đầu tư xây dựng công trình cầu phao mới thay thế cầu phao của gia đình bà B. Đến ngày 27/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định số 6498 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cầu phao mới thay thế cầu phao của gia đình bà B với chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện N. Ngày 05/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định số 2610 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình cầu phao mới cho nhân dân đi lại, không thu phí, tên công trình: *"Cầu phao thôn D H, T"*, thời gian thực hiện dự án từ năm 2020 đến năm 2022. Ngày 12/6/2020, Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định số 3500 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2 thi công xây dựng công trình cầu phao thôn D H, T, tên nhà thầu trúng thầu là: Công ty TNHH một thành viên X (địa chỉ: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình). Ngày 11/3/2021, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện N có Công văn số 71 gửi Ủy ban nhân dân xã T, huyện N thông báo về việc triển khai thi công xây dựng công trình *"Cầu phao thôn D H, T"* và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T phối hợp để giải phóng mặt bằng nhằm phục vụ việc thi công xây dựng cầu phao mới.

Sau khi gia đình bà Nguyễn Thị B đồng ý thanh lý hợp đồng và đã chuyển cầu phao cũ trước đây khỏi phạm vi công trình thì ông Nguyễn Pháp C2 và Ban kiến thiết làm cầu thôn D H đã di chuyển cầu phao do nhân dân thôn 4 Hữu Thường đóng góp xây dựng nêu trên đến lắp đặt vào vị trí cầu phao và mố cầu cũ của gia đình bà B trước đây vừa dọn đi và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T cho phép xây dựng 02 mố cầu mới thay thế cho mố cầu phao do gia đình bà B đã xây dựng trước đó, đồng thời còn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T hỗ trợ kinh phí nhưng không được sự đồng ý.

Vào ngày 07/6/2022, Công ty TNHH một thành viên X đã có Hợp đồng thỏa thuận mua lại cầu phao do nhân dân thôn D H, xã T, huyện N xây dựng lắp mới trên mố cầu cũ của gia đình bà B nêu trên với giá trị hợp đồng là số tiền 915.402.000đồng. Sau đó Công ty TNHH một thành viên X đã giao đủ số tiền nêu trên cho đại diện thôn D H, xã T, huyện N là các ông Đinh Huy T4 - Bí thư Chi bộ, trưởng ban công tác mặt trận thôn D H và ông Nguyễn Văn H3 - Trưởng thôn 4 Hữu Thường để các ông trên chi trả cho các hộ dân đã góp tiền xây dựng cầu để triển khai thi công xây dựng cầu phao mới. Tuy nhiên trong đó có các hộ gia đình là ông Nguyễn Pháp C2, gia đình bà Nguyễn Thị H, gia đình Nguyễn Thị T và 01 hộ gia đình bà Nguyễn Thị V ở cùng thôn chưa nhận tiền do không đồng ý với Hợp đồng mua lại cầu phao của Công ty TNHH X.

Chiều ngày 06/9/2022, Công ty TNHH một thành viên X đưa máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702 do công nhân là anh Bùi Tuấn A sinh năm 1999 trú tại xóm T, xã G, huyện G. tỉnh Ninh Bình điều khiển đến để tiến hành thi công xây dựng *"Cầu phao thôn D H, T"* nêu trên. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi anh Bùi Tuấn A đang điều khiển máy đào thi công thì lần lượt có Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Pháp C2 và bà Vũ Thị H1 (vợ ông C2) đi cùng ra khu vực công trường thi công cầu phao. Khi thấy anh Bùi Tuấn A điều khiển máy đào bánh xích để thi công thì ông C2, bà H, bà H1 và Nguyễn Thị T đã đề nghị anh Bùi Tuấn A dừng việc thi công xây dựng *"Cầu phao thôn D H, T"* nhưng anh Bùi Tuấn A không đồng ý và tiếp tục cho máy đào đóng cọc tre. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, trong khi anh Bùi Tuấn A đang ngồi trong buồng lái điều khiển máy đào bánh xích, do đã yêu cầu nhưng anh A không dừng việc thi công nên Nguyễn Thị T đã bực tức và chửi anh Bùi Tuấn A, đồng thời T đã nhặt 01 đoạn tre khô dài 2,4m (đường kính một đầu 22cm, một đầu 24cm) có sẵn tại đống vật liệu xây dựng cầu phao tại khu vực công trường thi công. T cầm chiếc gậy tre bằng hai tay rồi sử dụng chiếc gậy này chọc 01 nhát trúng vào vai trái của anh Bùi Tuấn A làm anh A bị thương xây sát da nhẹ. Anh Bùi Tuấn A sau khi bị T đánh đã đóng cửa buồng lái thì Nguyễn Thị T tiếp tục sử dụng chiếc gậy tre có đặc điểm nêu trên cầm trên hai tay để đập 01 nhát trúng vào tấm kính lùa phía trên bên trái cánh cửa cabin máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702 làm cho tấm kính trên bị vỡ nát thành nhiều mảnh vụn nhỏ, sau khi đập vỡ tấm kính, T vứt lại chiếc gậy tre nêu trên tại hiện trường.

Sau đó anh Bùi Tuấn A đã báo tin đến Công an xã T, huyện N để giải quyết. Công an xã T, huyện N đã lập biên bản vụ việc và thu giữ tại hiện trường 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702; 01 đoạn tre khô dài 2,4m (đường kính một đầu 22cm, một đầu 24cm). Cùng ngày, Công an xã T, huyện N đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu đồ vật, vật chứng có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 18/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: Tấm kính lùa phía trên bên trái cánh cửa cabin máy đào bánh xích (máy xúc) nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702 (loại nhập khẩu, thay mới) trị giá 2.500.000đồng.

Sau khi có Kết luận định giá tài sản nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo cho Nguyễn Thị T về kết quả định giá tài sản theo quy định nhưng T không đồng ý và có đơn khiếu nại với bản Kết luận định giá tài sản trên.

Sau khi nhận đơn khiếu nại của Nguyễn Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã có văn bản Yêu cầu định giá lại tài sản lần thứ nhất gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình để định giá lại tài sản đối với tấm kính bị thiệt hại nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 35/2022/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh N, kết luận: Tấm kính lùa phía trên bên trái cánh cửa cabin máy đào bánh xích (máy xúc) nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702 bị hư hỏng hoàn toàn (bao gồm cả nhân công lắp đặt, thay thế) tại thời điểm ngày 06/9/2022 có trị giá 2.500.000đồng.

Ngày 19/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã có Công văn số 283 gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc xác định trị giá của nguyên tấm kính và nhân công lắp đặt, thay thế tấm kính là bao nhiêu tiền.

Ngày 26/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh N có Công văn số 41 trả lời rõ như sau:

- Tấm kính lùa phía trên bên trái cánh cửa cabin máy đào bánh xích (máy xúc) nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702 bị hư hỏng hoàn toàn có giá là 2.300.000đồng, Nhân công thay thế tấm kính là 200.000đồng.

Sau khi có Kết luận định giá lại tài sản lần thứ nhất nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo cho bị cáo Nguyễn Thị T về kết quả định giá lại tài sản theo quy định nhưng bị cáo T tiếp tục có ý kiến không đồng ý với bản Kết luận định giá lại tài sản lần thứ nhất nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã có văn bản Yêu cầu định giá lại tài sản lần thứ hai gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình để định giá lại tài sản đối với tấm kính bị thiệt hại nêu trên.

Ngày 09/01/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh N có Công văn số 39/HĐĐGTSTT trả lời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N cụ thể như sau: Đối chiếu với quy định tại khoản 2, Điều 21 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ cho thấy chưa đủ điều kiện để thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (lần 2) theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, do kết luận định giá lại tài sản không khác so với kết luận định giá tài sản lần đầu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã lập biên bản thông báo cho Nguyễn Thị T về nội dung trả lời tại Công văn số 39 của Hội đồng định giá tài sản

trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc không đủ điều kiện thành lập Hội đồng định giá lại tài sản lần thứ hai nêu trên. Sau khi nhận được thông báo, T tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N về việc không đồng ý với kết quả định giá đối với tấm kính mà T đã gây ra thiệt hại.

Căn cứ khoản 4, Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ban hành Thông báo số 421/TB-CSĐT ngày 13/4/2023 gửi cho Nguyễn Thị T xác định về việc không chấp nhận nội dung mà T phản ánh nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định trưng cầu giám định về thương tích đối với anh Bùi Tuấn A nhưng anh Tuấn A đã từ chối giám định với lý do xác định bản thân chỉ bị thương xây sát da nhẹ không để lại thương tích gì.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSNQ-HS ngày 14/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T ra trước Tòa án nhân dân huyện Nho Quan để xét xử về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Áp dụng khoản 1, Điều 178; điểm b, i, s khoản , khoản 2 Điều 51; Điều 36Bộ luật Hình sự năm 2015 Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% đến 7% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Thị T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH một thành viên X số tiền 2.500.000 đồng được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn tre khô dài 2,4m (đường kính một đầu 22cm, một đầu 24cm). Cụ thể chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng 14/7/2023 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326 của UBTVQH. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá của Ủy ban nhân dân huyện N và Hội đồng định giá của Ủy bản nhân tỉnh Ninh Bình như nội dung cáo trạng, không có ý kiến tranh luận gì và lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được xử phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cũng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ về thời gian, địa điểm, loại tài sản và giá trị tài sản mà bị cáo đã cố ý làm hư hỏng tài sản nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/9/2022, tại khu vực thôn D H, xã T, huyện N. Nguyễn Thị T đã có hành vi sử dụng 01 đoạn tre khô dài 2,4m (đường kính một đầu 22cm, một đầu 24cm) để đập vỡ 01 tấm kính lùa phía trên bên trái cánh cửa cabin máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702 do công nhân của Công ty TNHH một thành viên X là anh Bùi Tuấn A đang điều khiển thi công xây dựng *"Cầu phao thôn D H, T"*, trị giá 2.300.000đồng và 200.000 đồng tiền nhân công lắp kính. Tổng giá trị thiệt hại là 2.500.000đồng

Từ những hành vi và chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự nên cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 178: Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản:

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……..

Hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý trực tiếp làm hư hỏng tài sản của Công ty TNHH X đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những thế hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị T quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa lần nào phạm tội nên bị cáo hưởng tình tiết "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", Trước khi xét xử ngày 13/9/2023 bị cáo đã nộp số tiền 2.500.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan nhằm khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại. Ngoài ra Bị cáo có bố là người có công được tặng thưởng bằng khen và Huy chương kháng chiến, bản thân bị cáo là phụ nữ. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có

- Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi gây thiệt hại cho công ty X số 2.500.000đ để sửa chữa kính xe máy xúc. Căn cứ vào Điều 48 BLHS và Điều 584 BLDS. Trước khi mở phiên tòa ngày 13/9/2023 bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả do mình gây ra tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan số tiền 2.500.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH X.

[5] Các vấn đề khác và xử lý vật chứng:

Trong vụ án này, các bà Nguyễn Thị H, Vũ Thị H1 và ông Nguyễn Pháp C2 đi ra khu vực công trường thi công cầu phao cùng với bị cáo Nguyễn Thị T nhưng bà H, bà H1, ông C2 không có lời nói và hành động nào kích động, xúi giục bị cáo Nguyễn Thị T đập phá tài sản là tấm kính máy xúc nêu trên. Do đó, bà H, bà H1 và ông C2 không phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC200LC-8N1, BKS: 35XA-0702, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho Công ty TNHH một thành viên X theo đúng quy định.

Đối với 01 đoạn tre khô dài 2,4m (đường kính một đầu 22cm, một đầu 24cm) là công cụ bị cáo sử dụng để hư hỏng tài sanr cho công ty X không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Cụ thể chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

[6] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị T phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản"

2. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Thị T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH một thành viên X số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 2.500.000đ để bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH một thành viên X theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003138 ngày 13/9/2023 tại chi cục thi hành án huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn tre khô dài 2,4m (đường kính một đầu 22cm, một đầu 24cm).

Cụ thể chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) theo quy định.

5. Án xử công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND- H. Nho Quan;*
- *Bị cáo;*
- *VKSND tỉnh NB;*
- *Công an H. Nho Quan;*
- *Trại tạm giam;*
- *Thi hành án dân sự H. NQ;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Nhàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN